

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 58/2023/DS-ST
Ngày: 05-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Đức;
2. Ông Nguyễn Văn Lên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Số xyz, ấp ONT, xã BH, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hùng M, sinh năm 1974; địa chỉ: Số xy, ấp x, xã TT, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền chứng thực số 05 ngày 27/3/2023 tại UBND Phường 3, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An)

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn L, sinh năm 1972 và bà Đinh Thị U, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Số y, ấp ONT, xã BH, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày như sau:

Ngày 05/10/2015, bà Đinh Thị U có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 33.500.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 18kara, mục đích vay tiền để làm ăn; khi giao tiền vàng thì không có ông L, nhưng bà U với ông L là vợ chồng nên bà N yêu cầu ông L và bà U phải cùng trả nợ 33.500.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 18kara (quy

đổi là 12.600.000 đồng) tổng cộng là 46.100.000 đồng; không yêu cầu trả lãi; không đồng ý cho bà U, ông L trả dần.

Bị đơn bà Đinh Thị U trình bày:

Bà U đồng ý trả cho bà N số tiền 33.500.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 18kara (quy đổi là 12.600.000 đồng), tổng cộng là 46.100.000 đồng, nhưng xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng đến khi hết nợ. Số tiền nợ và vàng nợ là do bà N, bà U cầm trừ qua lại khi bà N, bà U chơi đánh bạc casino nên còn thiếu bà N số tiền, vàng trên. Bà U và ông L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hiệp vào năm 1995. Số tiền nợ trên là tiền nợ riêng của bà U không liên quan đến ông L.

Bị đơn ông Lê Văn L không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vụ án không hòa giải được do bị đơn ông Lê Văn L vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Lê Hùng M đại diện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà U vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày; bị đơn ông L đồng ý liên đới cùng với bà U trả cho bà N số tiền tổng cộng là 46.100.000 đồng, nhưng đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp và không giao nộp, xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện bà Đinh Thị U, ông Lê Văn L yêu cầu trả lại tiền, vàng đã vay theo Biên nhận ngày 05/10/2015. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả lại tiền, vàng đã vay và không yêu cầu trả tiền lãi. Các bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[3] Các đương sự có mặt tại phiên tòa không xuất trình, giao nộp bổ sung chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lời khai nhận của các đương sự tại phiên tòa để xét xử vụ án.

[4] Về yêu cầu trả nợ: Theo Biên nhận tiền ngày 05/10/2015 và sự thừa nhận của đương sự thì bị đơn bà U có nợ bà N số tiền 33.500.000 đồng và 3.5 chỉ vàng 18kara (quy đổi là 12.600.000 đồng), tổng cộng là 46.100.000 đồng, nhưng bị đơn xin được trả dần 1.000.000 đồng/tháng đến khi trả hết nợ; cho nên có căn cứ xác

định giữa bà N với bà U đã xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 05/10/2015; không xác định mục đích vay; không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 05 tháng tính từ ngày 05/10/2015.

[5] Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa bà N và bà U được các bên xác lập để thỏa thuận vay số tiền, vàng (quy đổi) tổng cộng là 46.100.000 đồng; được xác lập theo ý chí tự nguyện của các bên; mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 119, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và phát sinh về quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết; hết thời hạn vay bà U phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền tổng cộng 46.100.000 đồng là phù hợp.

[6] Về trả lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi và hợp đồng vay đã hết thời hiệu yêu cầu trả lãi nên bị đơn không phải trả lãi cho nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về nghĩa vụ liên đới: Bà U với ông L là vợ chồng có đăng ký kết hôn và sống chung nhà; tuy ông L không tham gia vào giao dịch tài sản với bà N, nhưng mục đích vay để phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất chung của gia đình; bà U cho rằng việc ký biên nhận vay tài sản của bà N là để cản trừ tiền thua bạc khi chơi đánh bạc tại casino ở Campuchia nên không có liên quan đến nghĩa vụ của ông L, nhưng bà N không thừa nhận sự việc và bà U không có chứng cứ chứng minh và ông L cũng đồng ý cùng bà U trả nợ cho bà N nên bà U và ông L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà N là có căn cứ.

[8] Về yêu cầu trả nợ dần: Bị đơn bà U, ông L đồng ý trả cho bà N số tiền 46.100.000 đồng, nhưng đề nghị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ, nhưng bà N không đồng ý và pháp luật cũng không quy định bên có nghĩa vụ được trả dần nên đề nghị của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[9] Như đã phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà N đối với ông L, bà U. Cho nên, ý kiến phản bác và lý lẽ của bị đơn là không có cơ sở.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 và các Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 288, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Lê Văn L, bà Đinh Thị U về việc yêu cầu trả nợ vay theo Biên nhận ngày 05/10/2015.

Buộc ông Lê Văn L, bà Đinh Thị U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 46.100.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Lê Văn L, bà Đinh Thị U phải liên đới nộp tiền án phí sơ thẩm là 2.305.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N 1.152.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000167 ngày 11/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương